

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
SỐ: 28/TTC-BH/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm:

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA

Địa chỉ: Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại: [+84-276] 375 3250

Fax: [+84-276] 383 9834

Email: thongtin.ttc@ttcsugar.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 3900244389

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **ĐƯỜNG TINH LUYỆN CAO CẤP**

2. Thành phần: Đường mía

3. Thời hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Bao 50 kg.
- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được chứa trong bao PE, bên ngoài là bao PP.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

5.1 Xuất xứ:

- Sản xuất tại: PT. KEBUN TEBU MAS
- Địa chỉ: Lamongan, 62273 – Indonesia

5.2 Thương nhân chịu trách nhiệm nhập khẩu và chất lượng hàng hóa:

Tên công ty nhập khẩu: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA

Địa chỉ: Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng Chì	mg/kg, không lớn hơn	0,5

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
2	Hàm lượng Thủy Ngân	mg/kg, không lớn hơn	0,05
3	Hàm lượng Cadimi	mg/kg, không lớn hơn	1
4	Hàm lượng Asen	mg/kg, không lớn hơn	1

2. Thông tư của các Bộ, ngành:

- TCVN 7270: 2003/BYT: Yêu cầu vệ sinh

STT	Chỉ Tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/10g, không lớn hơn	200
2	Nấm men	CFU/10g, không lớn hơn	10
3	Nấm mốc	CFU/10g, không lớn hơn	10
4	Hàm lượng SO ₂	mg/kg, không lớn hơn	6

- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm

STT	Chỉ Tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Coliforms	CFU/g, không lớn hơn	100
2	E. coli	MPN/g, không lớn hơn	3
3	Staphylococcus aureus	CFU/g, không lớn hơn	100
4	Salmonella spp./ 25g		Không có

- Thông tư 50/2016/TT-BYT: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	2, 4 – D	mg/kg, không lớn hơn	0,05
2	Aldicarb	mg/kg, không lớn hơn	0,1
3	Azinphos – Methyl	mg/kg, không lớn hơn	0,2
4	Carbofuran	mg/kg, không lớn hơn	0,1
5	Chlorantraniliprole	mg/kg, không lớn hơn	0,5
6	Clothianidin	mg/kg, không lớn hơn	0,4
7	Cyhalothrin	mg/kg, không lớn hơn	0,05

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
8	Cypermethrins	mg/kg, không lớn hơn	0,2
9	Dicamba	mg/kg, không lớn hơn	1
10	Ethoprophos	mg/kg, không lớn hơn	0,02
11	Glyphosate	mg/kg, không lớn hơn	2
12	Imazapic	mg/kg, không lớn hơn	0,01
13	Isoxaflutole	mg/kg, không lớn hơn	0,01
14	Mesotrione	mg/kg, không lớn hơn	0,01
15	Novaluron	mg/kg, không lớn hơn	0,5
16	Propiconazole	mg/kg, không lớn hơn	0,02
17	Tebufenozide	mg/kg, không lớn hơn	1
18	Trinexapac - ethyl	mg/kg, không lớn hơn	0,5

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP về Nhân hàng hóa.

3. Tiêu chuẩn nhà sản xuất:

3.1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Kích thước tinh thể tương đối đồng đều, to nhỏ.
- Màu sắc: Tinh thể màu trắng, khi pha vào nước cho dung dịch trong suốt.
- Mùi vị: Tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có vị ngọt, không có mùi vị lạ.

3.2. Các chỉ tiêu hóa lý:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng saccharose	%, không nhỏ hơn	99,8
2	Độ ẩm	%, không lớn hơn	0,04
3	Độ màu	Icumsa, không lớn hơn	35

V. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản và thông tin về chất gây dị ứng:

- Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm.
- Hướng dẫn bảo quản: Trưng bày hoặc bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tây Ninh, ngày 30 tháng 5 năm 2022



Lê Đức Cồn





WHITE CRYSTAL SUGAR

Premium
REFINED SUGAR

KTM

NETTO 50 Kg

Composition 100% Pure Sugar

Produced by PT. KEBUN TEBU MAS
Lamongan, 62273 - Indonesia





100 mm

65 mm

Sản Phẩm: ĐƯỜNG TINH LUYỆN CAO CẤP

Thành phần: Đường Mía
Saccharose không nhỏ hơn: 99,8 %
Khối lượng tịnh: 50 kg

Ngày sản xuất: Xem MFG trên bao bì
Hạn sử dụng: Xem EXP trên bao bì
Xuất xứ hàng hóa: Indonesia

Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm.

Hướng dẫn bảo quản: Trưng bày hoặc bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.

Nhập khẩu bởi:

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA**

Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh,
Việt Nam

Sản xuất tại:

PT. KEBUN TEBU MAS
Lamongan, 62273 – Indonesia



Add value.
Inspire trust.

Test Report No.VNT/F22/055983

Dated 27/05/2022

Phiếu kết quả thử nghiệm số VNT/F22/055983

Ngày 27/05/2022

Applicant

Tên khách hàng

: THANH THANH CONG - BIEN HOA JOINT STOCK COMPANY
CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA
Tan Hung Commune, Tan Chau District, Tay Ninh Province, Vietnam.
Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Attention

Người liên hệ

: Mr. Minh

Date of receiving

Ngày nhận mẫu

: 12/05/2022 (13:00)

Temperature of sample as received

Nhiệt độ bề mặt của mẫu khi nhận

: Room temperature

Nhiệt độ thường

State of sample as received

Mô tả tình trạng mẫu khi nhận

: Sample intact in plastic bag

Mẫu nguyên vẹn trong túi nhựa

Test Period

Thời gian thử nghiệm

: 12/05/2022 – 27/05/2022

Sample Description

Mô tả mẫu

: ĐƯỜNG TINH LUYỆN CAO CẤP



Note: The submitted samples were not taken by laboratory/ Mẫu gửi không được lấy bởi Phòng thử nghiệm
The information was provided by client/ Thông tin được cung cấp bởi khách hàng.
Sample storage period 1 week after issuing the test report/ Thời gian lưu mẫu 1 tuần sau khi phát hành báo cáo thử nghiệm
This testing result is only valid on the tested sample/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

Checked By

Hoang Thi Hai Yen
Assistant Lab Manager

Authorized By

Nguyen Thi Chan
FHB Manager

Note: The test report is electronically generated. Hence original signature is not required. For any technical query, please contact Ms. Chan at chan.nguyen@tuv-sud.vn and for any complaint please contact Ms. Thuy at ngoc-thuy.ngo@tuv-sud.vn

Note: (1) General Terms & Conditions as mentioned overleaf, (2) The results relate only to the items tested, (3) the test report shall not be reproduced except in full without the written approval of the laboratory.

Laboratory:

TUV SUD Vietnam Co., Ltd.
Lot III-26, 19/5A Street, Industry Group III,
Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward,
Tan Phu District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Phone: 084-8-6267 8506
Fax: 084-8-6267 8511
E-Mail: chan.nguyen@tuv-sud.vn
Url: www.tuv-sud.vn

Regd. Office:

TUV SUD Vietnam Co., Ltd.
Lot III-26, 19/5A Street, Industry Group III,
Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward,
Tan Phu District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Test Report No.VNT/F22/055983

Dated 27/05/2022

Phiếu kết quả thử nghiệm số VNT/F22/055983

Ngày 27/05/2022

TEST RESULTS/ KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM:

No. STT	Specification Chỉ tiêu	Unit Đơn vị	Method Phương pháp	Result Kết quả	Detection Limit Giới hạn phát hiện
1.	Appearance Trạng thái	-	Sensory	Solid Dạng rắn	-
2.	Color Màu sắc	-	Sensory	White Màu trắng	-
3.	Odor Mùi	-	Sensory	Characteristic Mùi đặc trưng của sản phẩm	-
4.	Impurity Tạp chất	-	Sensory	Without strange impurity Không lẫn tạp chất lạ	-
5.	Total Carbohydrate	g/100g	TPV-LAB-FTP-245 (Ref. AOAC 986.25) (*)	99.98	-
6.	Moisture Độ ẩm	g/100g	TPV-LAB-FTP-241 (Drying Oven method) (*)	0.02	-
7.	Protein (N×6.25) Chất đạm	g/100g	TPV-LAB-FTP-243 (Kjeldahl Method) (*)	Not detected Không phát hiện	0.2
8.	Total fat Chất béo	g/100g	TPV-LAB-FTP-244 (Ref AOAC 996.06) (*)	Not detected Không phát hiện	0.1
9.	Energy Năng lượng	Kcal/100g	Calculate from fat, protein, carbohydrate (*)	400	-
10.	ICUMSA Color Màu ICUMSA	IU	TCVN 6333:2010	14.62	-
11.	Polarization at 20°C Độ Pol ở 20°C	-	GS1/2/3/9-1 (2011) ICUMSA	99.9	-
12.	Conductivity ash Độ tro dẫn điện	g/100g	TCVN 7965:2008	0.0033	-
13.	Reducing sugar Đường khử	g/100g	Ref. EC 152-2009	Not detected Không phát hiện	0.2
14.	Sulfur dioxide (SO ₂) Lưu huỳnh đioxit	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-237 (Ref. AOAC 990.28) (*)	Not detected Không phát hiện	10
15.	Arsenic (As) Asen	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-256 (ICP/MS) (*)	Not detected Không phát hiện	0.05
16.	Cadmium (Cd) Cadmi	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-256 (ICP/MS) (*)	Not detected Không phát hiện	0.05
17.	Lead (Pb) Chì	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-256 (ICP/MS) (*)	Not detected Không phát hiện	0.05
18.	Mercury (Hg) Thủy ngân	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-256 (ICP/MS) (*)	Not detected Không phát hiện	0.05
19.	Copper (Cu) Đồng	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-256 (ICP/MS) (*)	Not detected Không phát hiện	0.5
20.	2,4-D	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296	Not detected Không phát hiện	0.01
21.	Aldicarb	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (*)	Not detected Không phát hiện	0.01
22.	Carbofuran	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (*)	Not detected Không phát hiện	0.01
23.	Chlorantraniliprole	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296	Not detected Không phát hiện	0.01

Test Report No.VNT/F22/055983

Dated 27/05/2022

Phiếu kết quả thử nghiệm số VNT/F22/055983

Ngày 27/05/2022

TEST RESULTS/ KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM: (Cont'd)

No. STT	Specification Chỉ tiêu	Unit Đơn vị	Method Phương pháp	Result Kết quả	Detection Limit Giới hạn phát hiện
24.	Clothianidin	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296	Not detected Không phát hiện	0.01
25.	Cyhalothrin, lambda-, gamma-	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (*)	Not detected Không phát hiện	0.01
26.	Cypermethrin, alphah-, zeta-	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (*)	Not detected Không phát hiện	0.01
27.	Dicamba	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296	Not detected Không phát hiện	0.01
28.	Ethoprophos	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296	Not detected Không phát hiện	0.01
29.	Imazapic	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296	Not detected Không phát hiện	0.01
30.	Isoxaflutole	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296	Not detected Không phát hiện	0.01
31.	Mesotrione	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296	Not detected Không phát hiện	0.01
32.	Novaluron	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296	Not detected Không phát hiện	0.01
33.	Propiconazole	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296	Not detected Không phát hiện	0.01
34.	Tebufenozide	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296	Not detected Không phát hiện	0.01
35.	Trinexapac-ethyl	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296	Not detected Không phát hiện	0.01
36.	Glyphosate	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-298	Not detected Không phát hiện	0.05
37.	Azinphos-methyl	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296	Not detected Không phát hiện	0.01
38.	Total aerobic count Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/10g	Ref. ISO 4833-1:2013	5.6x10 ¹	1
39.	Coliforms	CFU/g	ISO 4832:2006 (*)	Not detected Không phát hiện	10
40.	Escherichia coli	MPN/g	ISO 7251:2005 (*)	0	0
41.	Staphylococcus aureus	CFU/g	ISO 6888-1: 1999 (Amendment 1: 2003) (*)	Not detected Không phát hiện	10
42.	Salmonella spp.	/25g	ISO 6579-1: 2017 (*)	Absent Không phát hiện	-
43.	Yeasts Tổng số nấm men	CFU/10g	Ref. FDA BAM, Chapter 18, 2001	Not detected Không phát hiện	1
44.	Moulds Tổng số nấm mốc	CFU/10g	Ref. FDA BAM, Chapter 18, 2001	Not detected Không phát hiện	1

Note/ Ghi chú:

(*) Method is accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)/ Phương pháp được VILAS công nhận (ISO/IEC 17025:2017)

- END OF TEST REPORT -
- Kết thúc phiếu kết quả thử nghiệm -

Test Report No.VNT/F22/055983

Dated 27/05/2022

Phiếu kết quả thử nghiệm số VNT/F22/055983

Ngày 27/05/2022

General Terms and Conditions of Business

of TÜV SÜD Vietnam Co., Ltd (hereinafter referred to as "TUV SUD")

1. General

- 1.1 These General Terms and Conditions of Business are applicable to all Product Testing / Inspection / Certification Services and other services provided by TÜV SÜD ("the Services").
- 1.2 The client shall accept TÜV SÜD's General Terms and Conditions of Business and the prices valid at the time of order placement. Deviating terms and conditions of business of individual clients cannot be recognized as a matter of principle.

- 1.3 Ancillary agreements, promises and other statements by TÜV SÜD employees or officially authorized experts called in by TÜV SÜD shall only be considered binding if expressly confirmed by TÜV SÜD and in writing. This shall also apply to any amendments to these terms and conditions.

2. Contractual Performance and Clients' Responsibilities

- 2.1 TÜV SÜD shall perform the Services in accordance to TÜV SÜD customary manner unless otherwise agreed in writing. Unless otherwise explicitly agreed in writing or regulated by the law and regulations, no responsibility shall be assumed for the correctness of the safety programs and safety regulation on which the tests and inspections have been based.
- 2.2 TÜV SÜD shall be entitled to make use of sub-contractors in the implementation of the order only if this has been explicitly agreed upon in writing.
- 2.3 The scope of the Services to be performed by TÜV SÜD shall be defined in writing on placement of order. If any modification or extension of the scope prove necessary within the context of due performance of the contract, they shall be additionally agreed upon in advance and in writing.
- 2.4 The client shall supply the necessary accessories, information and / or documents, for the Services including any foreign test reports, company test reports, product specifications, catalogues and instruction manuals. Until all necessary accessories, information or documents are supplied, TÜV SÜD will not commence the Services.
- 2.5 TÜV SÜD, at its sole discretion, reserves the right not to undertake the Services and terminate the agreement for the same in the event the client fails to comply with the terms and conditions set out herein.

3. Deadlines, Delay or Failure of Performance

- 3.1 The deadlines for contractual performance quoted by TÜV SÜD shall be binding only if this has been explicitly agreed upon in writing or regulated by the law and regulations.
- 3.2 TÜV SÜD shall not be liable for any delay or failure in respect of its contractual performance arising from any cause outside its control unless regulated by the law and regulations.
- 3.3 In the event that TÜV SÜD's contractual performance is delayed due to any cause outside its control, TÜV SÜD shall have the option at its sole discretion to either (i) extend the period for performance in accordance to the period of delay or (ii) terminate the agreement for the Services.

4. Warranty

- 4.1 Warranty by TÜV SÜD only covers contractual services with which it has been explicitly commissioned as per Section 2.1. Warranty regarding the proper condition and overall functioning of the plants to which the inspected or tested parts belong shall therefore be excluded. In particular, TÜV SÜD shall not assume any responsibility for the design, materials and construction of the examined plants unless these issues have been explicitly included in the contract. Even if the latter is the case, the warranty and the legal responsibility of the manufacturer shall be neither restricted nor assumed TÜV SÜD or regulated by the law and regulations.
- 4.2 Any warranty given by TÜV SÜD shall initially be restricted to supplementary performance to be completed within a reasonable time limit informed in writing to and agreed by the customer or regulated by the law and regulations. Should such supplementary performance fail, i.e. be impossible or unacceptable for the customer or be unjustifiably refused or delayed by TÜV SÜD, the customer shall be entitled, at its discretion, either to a reduction of the price or rescission of the contract.
- 4.3 TÜV SÜD warrants that it will exercise reasonable care and diligence in performing the service herein. Save as provided herein, all other warranties by TÜV SÜD, whether expressed or implied, are hereby expressly excluded.
- 4.4 The client warrants that all information and/or documents supplied to TÜV SÜD are accurate and correct in all aspects and shall indemnify TÜV SÜD as the recent law and regulations for all loss and damages arising from the Services herein caused by incorrect information and/or documents supplied by the client.

5. Liability

- 5.1 Unless regulated by the law and regulations, TÜV SÜD shall only be liable for damages – regardless of their legal basis – if TÜV SÜD has caused any damage as a result of an intentional or grossly negligent act or if TÜV SÜD has negligently breached a substantial contractual obligation ("material obligation"). In the event that TÜV SÜD is in breach of any substantial contractual obligations, TÜV SÜD shall only be liable for the damage related to and typically foreseeable under the particular contract at the time of entering into the contract.
- 5.2 Whilst all reasonable care will be taken where the product / equipment is in TÜV SÜD's custody, unless otherwise stipulated in the contract / agreement or regulated by the law and regulations, TÜV SÜD shall not under any circumstances be responsible for any loss or damage to the product / equipment during transit or while in the custody of TÜV SÜD, unless by fraud or negligence of TÜV SÜD. The client shall arrange for all necessary insurance against accidental loss or damage to the product / equipment, either in transit or at TÜV SÜD premises.
- 5.3 Unless there is a written request made for the return of the product / equipment at the time when they are delivered to TÜV SÜD for testing or the agreement for testing expressly provides for the return of the product / equipment, all product / equipment provided to TÜV SÜD for testing will be disposed after 1 month from the date of testing and the client agrees this principle.
- 5.4 Unless regulated by the law and regulations, TÜV SÜD shall not be liable for any damages caused as a result of a negligent breach of a non-substantial contractual obligation.
- 5.5 Unless regulated by the law and regulations, "Substantial contractual obligations" are those obligations that protect the customer's legal interests deemed to be substantial to the contract, which the contract, based on its content and purpose, must specifically grant to the customer; further, such contractual obligations are substantial which are deemed to be prerequisites for proper performance of a contract and upon the observance of which the customer has generally relied and may rely.
- 5.6 Unless regulated by the law and regulations, TÜV SÜD shall not be liable for any incidental, indirect, special or consequential loss or damage whatsoever, including, but not limited to, loss of revenue, profits, contracts, business or anticipated savings, or loss of goodwill or reputation, whether foreseeable or not and whether arising from any act or omission on the part of TÜV SÜD in the provision of the Services.
- 5.7 Any person making claims under this contract may inform TÜV SÜD about any potential damage for which TÜV SÜD could be liable.
- 5.8 If claims for damages against TÜV SÜD are excluded or limited, this shall extend to any personal liability of any statutory organs, experts, miscellaneous employees, vicarious agents or any other auxiliary personnel of TÜV SÜD for the said / same claims on the same legal relation.
- 5.9 TÜV SÜD total liability to the client under or in connection with the agreement for Services and/or in tort (including negligence) in any event (other than death or personal injury resulting from TÜV SÜD's negligence) shall not exceed the amount of fees paid by the client to TÜV SÜD in respect of the Services.

6. Terms of Payment, Prices

- 6.1 Unless a fixed price or other calculation basis has been explicitly agreed upon, services shall be billed in accordance with the prices of TÜV SÜD valid at the time of contract conclusion. In the absence of a valid schedule of prices, contractual provisions must be agreed on a case-by-case basis. If there is a period of more than 4 months between placement of the order and completion of the order by TÜV SÜD and there has been a price increase in the meantime, then the modified price shall be used as the basis of calculation as of the 5th month.
- 6.2 Reasonable advance payments may be requested and/or partial invoices covering services already rendered may be made out. Partial invoices need not be designated as such. The receipt of an invoice does not mean that the order has been billed completely by TÜV SÜD.
- 6.3 Companies who are not given any credit terms by TÜV SÜD have to pay in advance. For companies who are given credit terms by TÜV SÜD, an invoice will be issued when a job is completed and the fees shall be remitted to TÜV SÜD within thirty days of presentation of the invoice.
- 6.4 The client agrees to indemnify and pay TÜV SÜD for all taxes (Value Added Tax - VAT), levies and duties including, but not limited to, goods and services tax or withholding tax which TÜV SÜD may be liable to pay as a result of providing the services to the client herein.
- 6.5 Any objections to invoices must be made in writing to TÜV SÜD within a 14-day preclusion period after receipt of invoice, with reasons stated.
- 6.6 When a client decides to cancel the order for the Services (other than audits), he may do so by giving a notice in writing to TÜV SÜD. In case TÜV SÜD receives the cancellation request within three working days after confirmation of the order, the client will be charged for all Services performed prior to such cancellation and in vice versa, the client agrees to pay the full fee for the Services as the contract.
- 6.7 For audits, any request for cancellation or postponement of the audit must be given within six weeks in advance of the scheduled audit date, the client will be charged for all Services performed prior to such cancellation or postponement and in vice versa, the client agrees to pay the full fee for the audit as the contract.

7. Force Majeure

- Without prejudice to Clause 3, in the event that either party is unable to perform its obligations to the other party in whole or in part or not in a timely manner due to an unusual and unforeseeable event beyond the control of that party (force majeure event), the affected obligations of the party relying on the force majeure event shall be suspended for as long as the force majeure event and its consequences persists; any obligations of the other party to provide consideration during this time shall lapse. Claims of the other party, in particular claims for damages, shall not arise in this respect. The party invoking force majeure shall, however, be obliged to inform the other party without delay in text form of the event, the suspended performance obligations and the expected duration of the suspension of the performance obligations. The same shall apply if, by observing a reasonable duty of care, the party invoking force majeure recognizes, whilst the performance obligations are suspended, that the notified probable duration of the suspension will change significantly. If the force majeure event lasts longer than six months from the first information to the other party, both parties shall be entitled to withdraw from the contract. The right of withdrawal shall be replaced by a right of termination for continued obligations. The suspension of a payment obligation - except in scenarios prescribed by law or if such payment obligation represents a consideration within the meaning of sentence 1 of Clause 7 - cannot be based on force majeure.

8. Secrecy, Copyright, Data Protection

- 8.1 TÜV SÜD shall have the right to copy and file any written documents submitted for perusal which are important for performance of the order.
- 8.2 In as far as expert opinions, audit reports and the like that are protected by copyright are prepared within the scope of contractual performance, TÜV SÜD shall grant the customer a simple, non-transferable right of use, if this is required by the underlying purpose of the contract. This grant of copyright explicitly shall not include the transfer of any other rights; the customer shall, in particular, not be entitled to change (process) or use expert opinions, audit reports, test results, calculations and the like outside its business.
- 8.3 TÜV SÜD, its employees, and the expert engineers called in by TÜV SÜD shall not, without authorization, disclose or use any confidential information belonging to the client which they become cognizant during their activities provided that this clause shall not apply to information that is already known to TÜV SÜD prior to such disclosure; or passes into the public domain otherwise than as a result of a breach of this confidentiality obligation on the part of TÜV SÜD; or was received from a third party who is not under any confidentiality obligations or who did not acquire the information in confidence; or was independently conceived or developed by TÜV SÜD without reference to the disclosed confidential information.
- 8.4 By engaging TÜV SÜD for the Services, the client permits TÜV SÜD to use and/or process data, including personal data, for the proper performance of the Services and for other permissible purposes. TÜV SÜD agrees to comply with applicable personal data protection laws.

9. Lien

- In addition to any right of lien to which TÜV SÜD may be entitled by law, TÜV SÜD shall be entitled to a general lien on all product / equipment submitted for the Services as the agreement, contract with the client.

10. Indemnity

- The client shall indemnify TÜV SÜD fully in accordance with the law and regulations against all loss or damages suffered and cost and expenses incurred by TÜV SÜD and all claims by any third parties as a result of provision of the Services (including but not limited to the improper use of the test reports, supply of inaccurate information and/or documents to TÜV SÜD or any claim by third party for infringement or intellectual property rights and/or for discovery of information and/or for delivery of documents or products / equipment) unless the same is caused by the act or neglect of TÜV SÜD.

11. Court Appearance

- In the event any of the employees of TÜV SÜD is requested by the client or summoned by the court upon application by the client or any other parties for his attendance in court as an expert witness on the subject of the Services provided, the Client agrees and shall pay TÜV SÜD for such attendance in court based on TÜV SÜD's prevailing rates, agreed by the written confirmation of the client, for court attendance. TÜV SÜD may at its sole discretion revise its rates for court attendance from time to time.

12. Governing Law

- The agreement for the Services shall be governed by and construed in accordance with the laws of Vietnam.

- 12.1 TÜV SÜD and the client agree to submit to the jurisdiction of the Vietnam Courts.

13. Validity of Agreement

- 13.1 If any terms and conditions of this document are invalid or unenforceable for any reason, such invalidity or unenforceability shall not affect the validity or enforceability of the remainder of the terms and conditions.

Số: 155/2022/CV/TTC-BH
V/v Bổ sung thông tin cảnh báo
trên bản tự công bố sản phẩm và nhãn phụ

Tây Ninh, ngày 14 tháng 9 năm 2022

Kính gửi: **CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH TÂY NINH**

- Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ, ngày 02 tháng 2 năm 2018;
- Căn cứ Nghị định 43/2017/NĐ-CP của Chính Phủ, ngày 14 tháng 4 năm 2017;
- Căn cứ tình hình thực tế,

Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa xin điều chỉnh nội dung trong các Hồ sơ Tự Công bố chất lượng các sản phẩm của Công ty chúng tôi, cụ thể như sau:

STT	Số hồ sơ	Diễn giải	Nội dung cũ	Nội dung điều chỉnh	Tài liệu thay đổi
01	28/TTC-BH/2022 29/TTC-BH/2022	Điều chỉnh nội dung về hướng dẫn bảo quản và bổ sung thông tin cảnh báo trên Bản tự công bố sản phẩm	V. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản và thông tin về chất gây dị ứng: - Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm. - Hướng dẫn bảo quản: Trưng bày hoặc bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.	V. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản và thông tin cảnh báo: - Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm. - Hướng dẫn bảo quản: Tránh để nơi ẩm, nhiệt độ cao và dưới ánh nắng. - Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng. Bỏ bao bì đúng nơi quy định sau khi sử dụng.	Bản tự công bố sản phẩm
02		Điều chỉnh nội dung về thành phần, hướng dẫn bảo quản và bổ sung thông tin cảnh báo trên Nhãn phụ	Thành phần: Đường mía Saccharose không nhỏ hơn: 99,8% Hướng dẫn bảo quản: Trưng bày hoặc bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. (Chưa có)	Thành phần: 100% Đường mía tinh khiết Hướng dẫn bảo quản: Tránh để nơi ẩm, nhiệt độ cao và dưới ánh nắng. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng. Bỏ bao bì đúng nơi quy định sau khi sử dụng.	Nhãn phụ



Bằng công văn này, chúng tôi xin thông báo đến Quý Chi cục về nắm tình hình.

Trân trọng,

Nơi đến:

- Như trên.

- Lưu: P. QHSE



Lê Đức Tôn





130 mm

85 mm

Sản Phẩm: ĐƯỜNG TINH LUYỆN CAO CẤP

Thành phần: 100 % Đường mía tinh khiết

Khối lượng tịnh: 50 kg

Ngày sản xuất: Xem trên bao bì

Hạn sử dụng: Xem trên bao bì

Xuất xứ hàng hóa: Indonesia

Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm.

Hướng dẫn bảo quản: Tránh để nơi ẩm, nhiệt độ cao và dưới ánh nắng

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng. Bỏ bao bì đúng nơi quy định sau khi sử dụng.

Nhập khẩu bởi:

CÔNG TY CỔ PHẦN

THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA

Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh,
Việt Nam

Sản xuất tại:

PT.KEBUN TEBU MAS

Lamongan, 62273 – Indonesia

Số: 209/2022/CV/TTC-BH
V/v Điều chỉnh Bản tự công bố sản phẩm

Tây Ninh, ngày 04 tháng 11 năm 2022

Kính gửi: **CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH TÂY NINH**

- Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ, ngày 02 tháng 2 năm 2018;
- Căn cứ Nghị định 43/2017/NĐ-CP của Chính Phủ, ngày 14 tháng 4 năm 2017;
- Căn cứ Công văn 155/2022/CV/TTC-BH ngày 14/09/2022 V/v Bổ sung thông tin cảnh báo trên bản tự công bố sản phẩm và nhãn phụ;
- Căn cứ tình hình thực tế,

Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa xin điều chỉnh nội dung trong các Hồ sơ Tự Công bố chất lượng các sản phẩm của Công ty chúng tôi, cụ thể như sau:

STT	Số hồ sơ	Diễn giải	Nội dung cũ	Nội dung điều chỉnh	Tài liệu thay đổi
01	28/TTC-BH/2022 29/TTC-BH/2022	Điều chỉnh nội dung về Thành phần (Mục II. 2) theo thông tin trên bao bì sản phẩm	Đường mía	100% Đường mía tinh khiết	Bản tự công bố sản phẩm

Bằng công văn này, chúng tôi xin thông báo đến Quý Chi cục để nắm tình hình.

Trân trọng,

Nơi đến:

- Như trên.
- Lưu: P. QHSE


ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN
THÀNH THÀNH CÔNG
- BIÊN HÒA
H. TÂN CHÂU - T. TÂY NINH
M.S.D.N: 3900244389
P.T.C.P
Lê Đức Tôn

Số: 100/2023/CV/TTC-BH
V/v Điều chỉnh bản tự công bố sản phẩm

Tây Ninh, ngày 03 tháng 07 năm 2023

Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH TÂY NINH

- Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 02 tháng 02 năm 2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Căn cứ Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về Nhãn hàng hóa;
- Căn cứ Thông tư 05/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 06 năm 2019 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP;
- Căn cứ Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 v/v Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ;
- Căn cứ tình hình thực tế,

Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa chúng tôi xin được điều chỉnh thông tin liên quan đến Hồ sơ tự công bố sản phẩm trên Bản tự công bố sản phẩm như sau:

STT	Số tự công bố	Nội dung	Nội dung cũ	Nội dung điều chỉnh
01	27/TTC-BH/2021 28/TTC-BH/2022		I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm	I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm
02	29/TTC-BH/2022	Email	thongtin.tcs@tcsugar.com.vn	thongtin.tcs@ttcagris.com.vn
03	30/TTC-BH/2023 31/TTC-BH/2023	IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm		
		2. Thông tư của các Bộ, ngành:	(Chưa có)	Bổ sung Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 v/v Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa
04	27/TTC-BH/2021 28/TTC-BH/2022 29/TTC-BH/2022	Fax	[+84-276] 383 9834	(Hủy bỏ)

Trân trọng.

Nơi đến:

- Như trên.
- Lưu P. QHSE



Lê Đức Tôn

Số: 112/2024/CV/TTC-BH
V/v Điều chỉnh bản tự công bố sản phẩm
Đường tinh luyện cao cấp

Tây Ninh, ngày 18 tháng 06 năm 2024

Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH TÂY NINH

- Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 02 tháng 02 năm 2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Căn cứ Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về Nhãn hàng hóa;
- Căn cứ Thông tư 05/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 06 năm 2019 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP;
- Căn cứ Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 v/v Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ;
- Quyết định 32/2003/QĐ-BKHCN ban hành Tiêu chuẩn Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Khoa Học và Công Nghệ ban hành;
- Căn cứ tình hình thực tế,

Công ty cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa chúng tôi xin được điều chỉnh thông tin liên quan đến sản phẩm Đường tinh luyện cao cấp (số tự công bố: 28/TTC-BH/2022) trên bản tự công bố sản phẩm như sau:

STT	Nội dung	Nội dung cũ	Nội dung điều chỉnh
1	IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm	TCVN 7270:2003: Yêu cầu vệ sinh	(Hủy bỏ do TCVN 7270:2003 đã hết hiệu lực)
2	2. Thông tư của các Bộ, ngành	Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm	(Bãi bỏ theo Điểm a Khoản 2 Điều 7 Thông tư 17/2023/TT-BYT ngày 25/09/2023 v/v Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành)
3	IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm 3. Tiêu chuẩn nhà sản xuất	(Chưa có)	Bổ sung chỉ tiêu về hàm lượng lưu huỳnh dioxit (SO ₂), như sau:

STT	Nội dung	Nội dung cũ	Nội dung điều chỉnh			
	3.2. Các chỉ tiêu hóa lý		Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
			4	Hàm lượng lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/kg, không lớn hơn	6

Bằng công văn này, chúng tôi xin thông báo đến Quý Chi cục v/v điều chỉnh bản tự công bố sản phẩm Đường tinh luyện cao cấp theo nội dung như trên.

Trân trọng.



ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

Nguyễn Thị Thủy Tiên



Nơi đến:

- Như trên.
- Lưu P. QHSE

Số: 291 /2024/CV/TTC-BH
V/v Điều chỉnh bản tự công bố
28/TTC-BH/2022

Tây Ninh, ngày 07 tháng 11 năm 2024

Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH TÂY NINH

- Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 02 tháng 02 năm 2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Căn cứ tình hình thực tế,

Công ty cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa xin được điều chỉnh nội dung trong Bản tự công bố sản phẩm Đường tinh luyện cao cấp, Bản tự công bố số: 28/TTC-BH/2022, như sau:

Nội dung	Nội dung cũ	Nội dung điều chỉnh
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm	5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: 5.1 Xuất xứ: • Sản xuất tại: PT. KEBUN TEBU MAS • Địa chỉ: Lamongan, 62273 – Indonesia 5.2 Thương nhân chịu trách nhiệm nhập khẩu và chất lượng hàng hóa: Tên công ty nhập khẩu: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA Địa chỉ: Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất) - Tên cơ sở sản xuất: PT. KEBUN TEBU MAS - Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lamongan, 62273 – Indonesia

Chi tiết nội dung sau khi điều chỉnh theo Bản tự công bố đính kèm. Bản tự công bố ký ngày 07/01/2024 chỉ giúp làm rõ nội dung Công văn, không phải là bản thay thế cho Bản tự công bố số 28/TTC-BH/2022 đã ký ban hành ngày 30/05/2022.

Bằng công văn này, chúng tôi xin thông báo đến Quý Chi cục v/v điều chỉnh bản tự công bố sản phẩm theo nội dung như trên.

Trân trọng.



Nguyễn Thị Ch�y Tiên

Nơi đến:

- Như trên.
- Lưu P. QHSE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 28/TTC-BH/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA

Địa chỉ: Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại: [+84-276] 375 3250

Fax:

E-mail: thongtin.ttc@ttcagris.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 3900244389

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **ĐƯỜNG TINH LUYỆN CAO CẤP**

2. Thành phần: 100% Đường mía tinh khiết

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Khối lượng tịnh: 50kg

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được chứa trong bao PE, bên ngoài là bao PP.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất)

- Tên cơ sở sản xuất: PT. KEBUN TEBU MAS

- Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lamongan, 62273 – Indonesia

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm số: QCVN 8-2:2011/BYT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Chì	mg/kg	0,5
2	Hàm lượng thủy ngân	mg/kg	0,05



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
3	Hàm lượng Cadimi	mg/kg	1
4	Hàm lượng Asen	mg/kg	1

- Phù hợp thông tư 50/2016/TT-BYT - Thông tư quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn của nhà sản xuất:
 - + Trạng thái: Kích thước tinh thể tương đối đồng đều, tơi khô.
 - + Mùi vị: Tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có vị ngọt, không có mùi vị lạ.
 - + Màu sắc: Tinh thể màu trắng, khi pha vào nước cho dung dịch trong suốt.
 - + Hàm lượng saccharose $\geq 99,8\%$
 - + Độ ẩm $\leq 0,04\%$
 - + Độ màu ≤ 35 IU

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tây Ninh, ngày 07 tháng 11 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Châu Tiên

